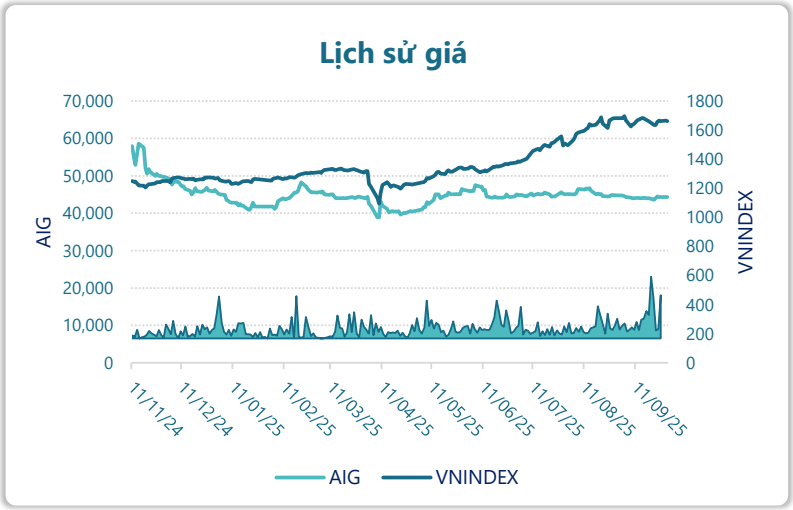
FireAnt

CTCP Nguyên liệu Á Châu AIG (UPCOM: AIG)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**44,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	58,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	38,900
SL cổ phiếu LH	170,601,298
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,405
% sở hữu nước ngoài	44.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,558
P/E	9.1
EPS	4,868

DT thuần

Q3/25

4,126

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 498| 13.7%

YoY: ▲ 1,014| 32.6%

LN sau thuế

Q3/25

307

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 70.0| 29.4%

YoY: ▲ 104| 51.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

10.4%

+/- YoY: ▲ 1.3%

DT thuần

9T 2025

11,103

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2,212| 24.9%

LN sau thuế

9T 2025

796

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 162| 25.5%

ROE

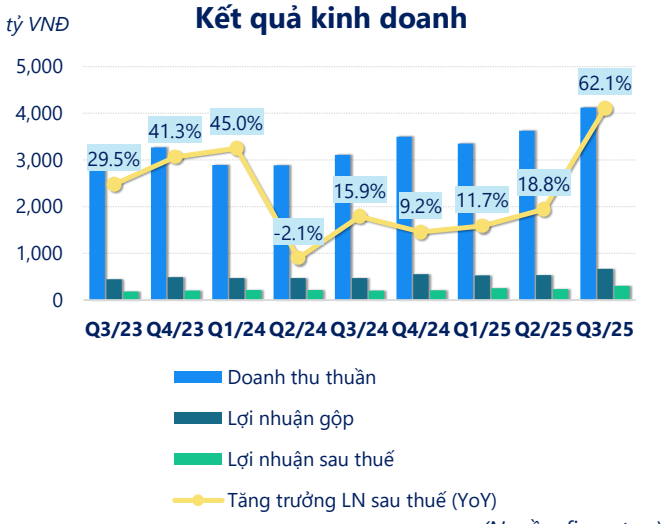
Q3/25

12.9%

+/- YoY: ▲ 2.7%

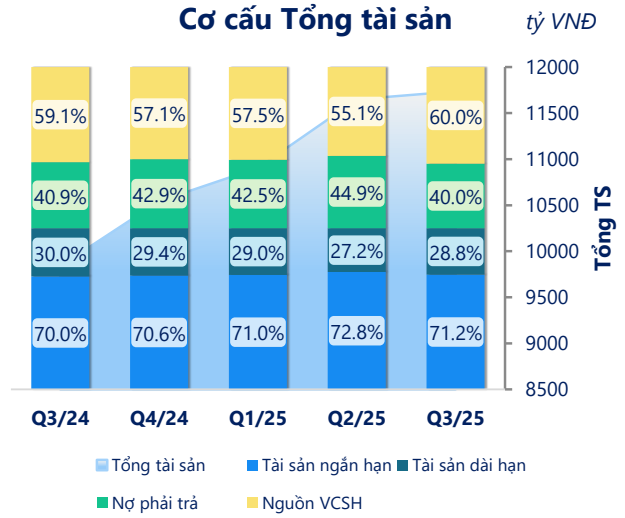
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



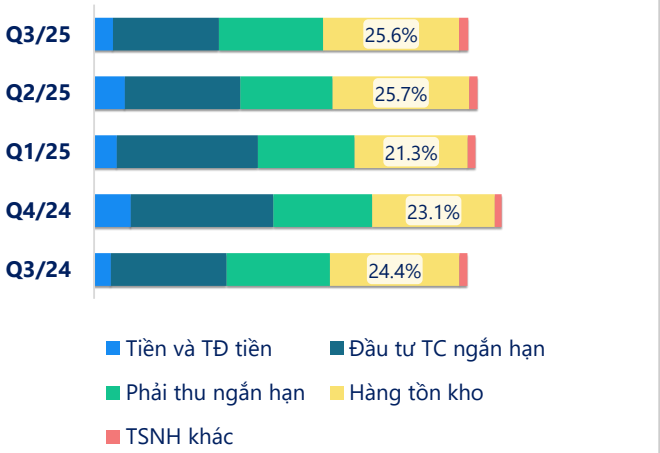
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



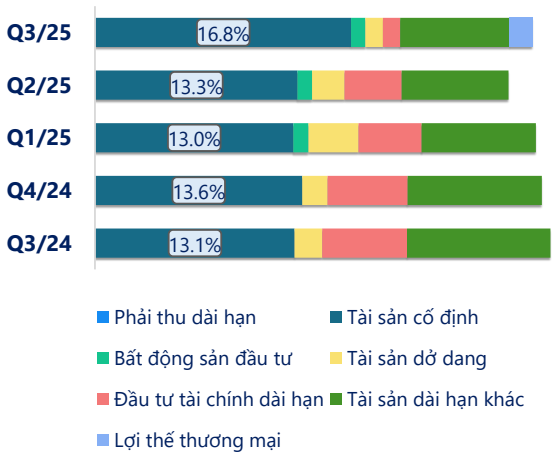
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



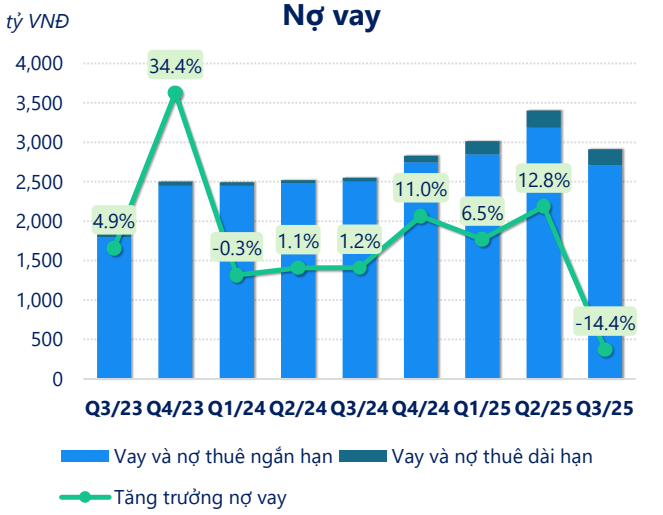
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



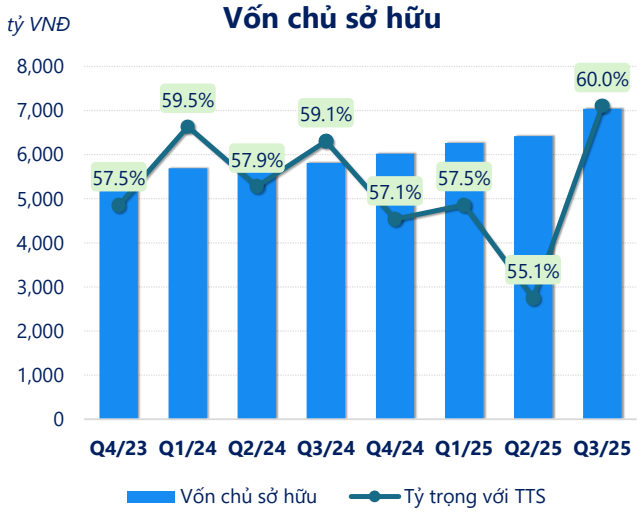
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



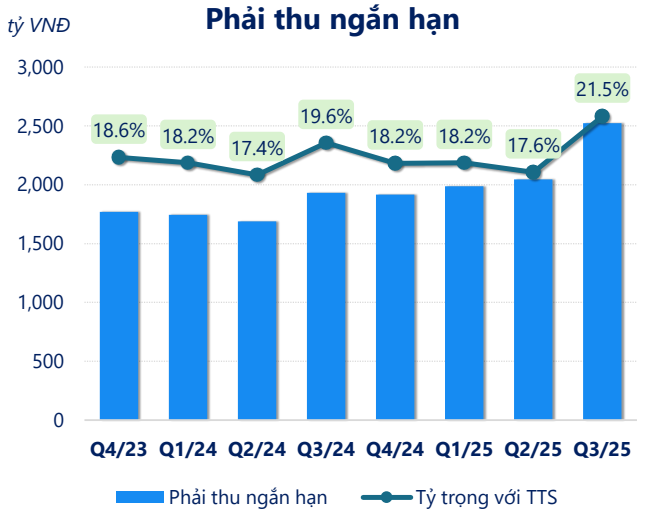
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



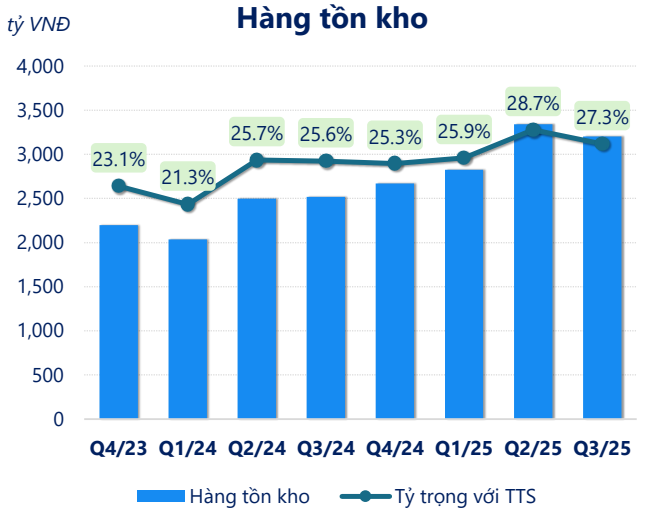
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



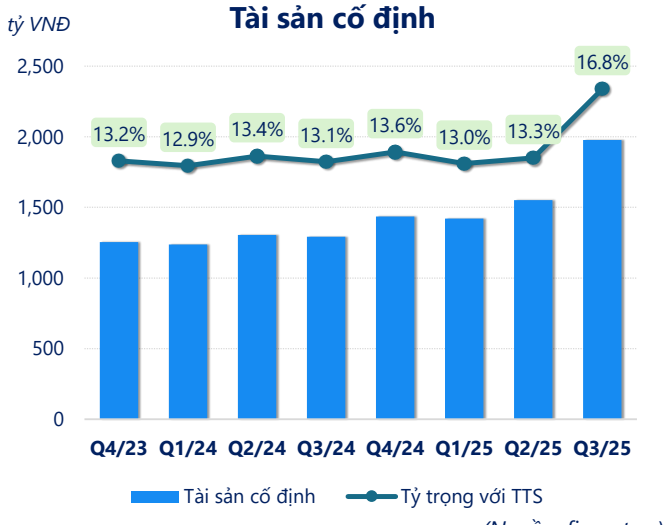
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



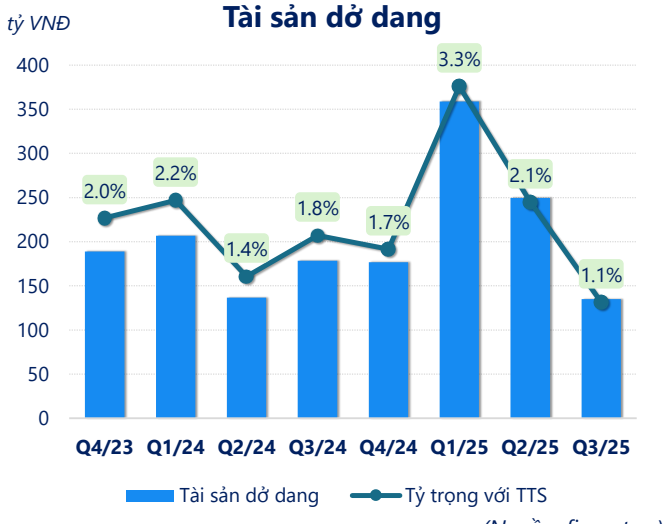
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



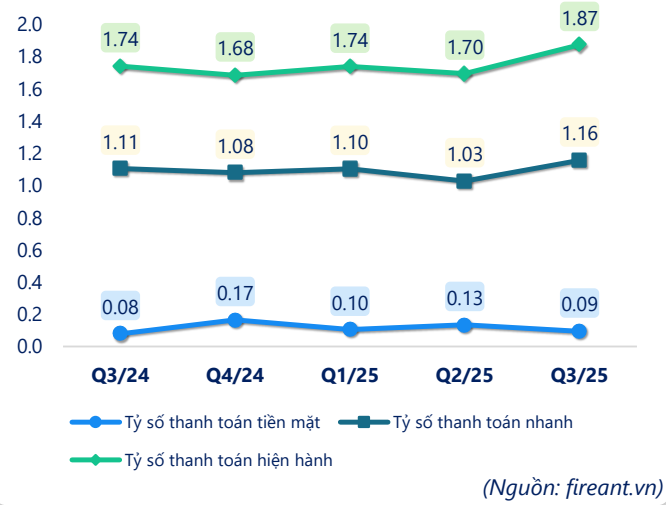
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



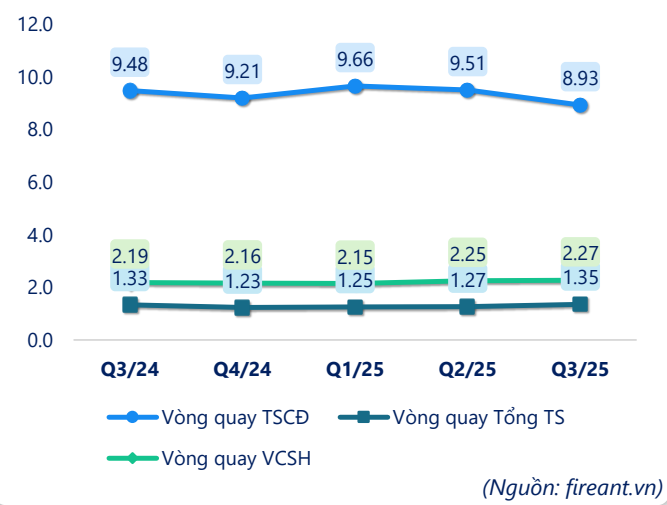
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**9,841**	**10,544**	**10,905**	**11,651**	**11,737**
Tài sản ngắn hạn	**6,889**	**7,444**	**7,741**	**8,479**	**8,356**
Tiền và tương đương tiền	311	731	467	673	418
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,958	1,939	2,263	2,191	1,968
Phải thu ngắn hạn	1,932	1,917	1,987	2,045	2,524
Hàng tồn kho	2,516	2,670	2,824	3,341	3,201
Tài sản ngắn hạn khác	172	186	200	228	245
Tài sản dài hạn	**2,951**	**3,101**	**3,164**	**3,172**	**3,381**
Phải thu dài hạn	1.91	1.70	1.70	1.71	3.01
Tài sản cố định	1,291	1,436	1,422	1,552	1,976
Bất động sản đầu tư	0	0	110	110	110
Tài sản dở dang	178	177	359	249	135
Đầu tư tài chính dài hạn	549	554	452	439	133
Tài sản dài hạn khác	931	931	820	819	844
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	179
Nợ phải trả	**4,025**	**4,523**	**4,638**	**5,232**	**4,695**
Nợ ngắn hạn	**3,956**	**4,420**	**4,453**	**5,001**	**4,460**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,503	2,748	2,848	3,185	2,708
Phải trả người bán ngắn hạn	995	1,185	1,231	1,290	1,233
Nợ dài hạn	69.1	104	185	231	235
Vay và nợ thuê dài hạn	48.2	82.4	168	216	203
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,815**	**6,021**	**6,267**	**6,418**	**7,041**
Vốn chủ sở hữu	**5,815**	**6,021**	**6,267**	**6,418**	**7,041**
Vốn điều lệ	1,706	1,706	1,706	1,706	1,706
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)